

Số: 174/KH-UBND

Thường Tín, ngày 11 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024
trên địa bàn huyện Thường Tín**

Căn cứ Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 về Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Thực hiện Công văn số 455/UBND-KGVX ngày 22/02/2023 của UBND thành phố Hà Nội về công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 và thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024; Công văn số 838/UBND-KGVX ngày 27/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phối hợp rà soát thông tin cư trú trong công tác tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Thực hiện Công văn số 909/SGDĐT-QLT ngày 30/3/2023 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024;

UBND huyện Thường Tín ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: Tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: Tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, tăng số học sinh học 2 buổi/ngày; giảm số học sinh trái tuyển, giảm sĩ số học sinh/lớp. Tổ chức phân tuyển hợp lý, đảm bảo đủ chỗ cho học sinh.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

B. NỘI DUNG.

I. Tuyển sinh vào các trường mầm non.

1. Phương thức và đối tượng

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

- Đối tượng: Trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư.

2. Độ tuổi dự tuyển:

Căn cứ điều kiện về CSVC và đội ngũ giáo viên của các CSGD mầm non trên địa bàn huyện:

- Các CSGD mầm non công lập nhận trẻ từ 18 tháng tuổi (*Trường hợp số trẻ đăng ký học tại trường vượt quá khả năng tiếp nhận, nhà trường phải ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyển được giao*).

- Các CSGD mầm non ngoài công lập nhận trẻ từ 12 tháng tuổi.

3. Hồ sơ dự tuyển:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

4. Các trường Mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

5. Thời gian tuyển sinh:

- Cấp mã tuyển sinh (*kèm mật khẩu*) cho cha mẹ học sinh trước ngày 25/5/2023 (*mã tuyển sinh là mã học sinh trên CSDL ngành hoặc số định danh cá nhân của học sinh*).

- Tuyển sinh trực tuyến Mầm non 5 tuổi: Từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023;

- Ngày 19/7/2023: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh và duyệt tuyển sinh trái tuyển với UBND huyện (qua Phòng GD&ĐT).

- Ngày 21,22/7/2023: Tuyển sinh trực tiếp đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;

- Ngày 23/7/2023: Các trường hoàn thành việc cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

***Lưu ý:**

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2023;

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu M02) các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã, thị trấn trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, thị trấn đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Tuyệt đối các trường không được tuyển sinh trước thời gian quy định.

6. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (Theo phụ lục 1a).**II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6.****1. Phương thức và đối tượng:**

- Thực hiện phương thức xét tuyển, theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

- Đối tượng dự tuyển vào lớp 1: Trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư.

- Đối tượng dự tuyển vào lớp 6: Những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn dân cư.

2. Độ tuổi dự tuyển:**a) Lớp 1:**

Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2017). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào học lớp 1.

b) Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2012).

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

3. Hồ sơ dự tuyển:**a) Lớp 1:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Lớp 6:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;
- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;
- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;
- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có);
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

4. Thời gian tuyển sinh:

a) Cấp mã tuyển sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 25/5/2023 (mã tuyển sinh là mã học sinh trên CSDL ngành hoặc sổ định danh cá nhân của học sinh).

b) Thời gian tuyển sinh:

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:
 - + Lớp 1: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023;
 - + Lớp 6: Từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023.
- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023.
 - Ngày 19/7/2023: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh và duyệt tuyển sinh trái tuyển với UBND huyện (qua Phòng GD&ĐT).
 - Ngày 21,22/7/2023: Tuyển sinh trực tiếp đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;
 - Ngày 23/7/2023: Các trường hoàn thành việc cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

***Lưu ý:**

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17 giờ 00 ngày 18/7/2023;

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (theo mẫu M02) các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã, thị trấn trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, thị trấn đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Tuyệt đối các trường không được tuyển sinh trước thời gian quy định.

5. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (Theo phụ lục 1b và phụ lục 1c)

6. Trường THCS Thị trấn Thường Tín:

Tuyển sinh với tất cả các đối tượng học sinh trong toàn huyện đủ tuổi vào lớp 6 theo quy định.

7. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 trường Tiểu học và THCS Thăng Long:

Tuyển sinh với tất cả các đối tượng học sinh trong toàn huyện đủ tuổi vào lớp 1, lớp 6 (có nhu cầu học tập tại trường). Thời gian, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh riêng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông báo công khai trước thời điểm tuyển sinh tại trường CĐSP Hà Tây.

8. Tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Nguyễn Trãi A:

Tuyển sinh đối với tất cả học sinh trên địa bàn huyện (có nhu cầu học tập tại trường). Thời gian, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh riêng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông báo công khai trước thời điểm tuyển sinh tại trường THCS Nguyễn Trãi A.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Phòng Giáo dục và Đào tạo.

1. Chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp với UBND xã, thị trấn điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn.

2. Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh; Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh của các trường theo chỉ tiêu được giao của UBND huyện.

3. Triển khai Kế hoạch tuyển sinh, Hướng dẫn công tác tuyển sinh đối với các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn.

4. Trưởng phòng GDĐT ký Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.

5. Phối hợp với UBND các xã, thị trấn công bố công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn trước 15 ngày khi bắt đầu tuyển sinh để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường.

6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học để chia lớp, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

7. Chỉ đạo các trường Mầm non, Tiểu học, THCS cấp mã tuyển sinh cho cha mẹ học sinh, tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

8. Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và báo cáo UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những trường chưa đủ phòng học và những trường Mầm non vượt quá nhóm lớp

theo quy định), tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều giữa các trường.

9. Phòng GDĐT phải có biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, không để xảy ra tình trạng quá tải và vượt chỉ tiêu ở một số trường. Nếu trường nào có sự thay đổi về chỉ tiêu được giao, phải báo cáo kịp thời với UBND huyện để chỉ đạo.

10. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn.

11. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về tuyển sinh.

12. Công tác tuyển sinh là một tiêu chuẩn để đánh giá xếp loại thi đua các trường.

II. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS.

1. Chủ động phối hợp với UBND các xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng kế hoạch công tác tuyển sinh năm học 2023-2024 của trường, báo cáo Phòng GDĐT. Tham gia đầy đủ hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở GDĐT, Phòng GDĐT tổ chức.

2. Thông báo công khai tại trường tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng GDĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

3. Tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến.

4. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến.

5. Mỗi trường phải thành lập một Hội đồng tuyển sinh do Trưởng Phòng GDĐT ra Quyết định; thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao.

6. Tổ chức cấp mã tuyển sinh (*kèm mật khẩu*) cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin mã học sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa CSDL với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

7. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân... trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: **“Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh”** sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên;

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường;

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao;

8. Lãnh đạo Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

9. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã trúng tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với Phòng GDĐT.

III. Chế độ thông tin, báo cáo.

1. Các trường báo cáo về Phòng GDĐT công tác tuyển sinh theo lịch sau:

- Trước ngày 20/4/2023: Các trường rà soát, cập nhật, hoàn thiện thông tin học sinh; in phiếu kê khai thông tin học sinh (*mẫu M01*) gửi CMHS ký xác nhận thông tin và chỉnh sửa (*nếu có*); hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi;

- Trước ngày 05/5/2023: Nộp dự thảo kế hoạch tuyển sinh về Bộ phận chuyên môn các bậc học.

- Trước ngày 25/5/2023: Hoàn thành việc cấp Mã tuyển sinh;

- Ngày 10-12/6/2023: Chạy thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (lần 1);

- Ngày 16/6-18/6/2023: Chạy thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn thành phố (lần 2);

- Ngày 01-09/7/2023: Các cấp học tuyển sinh trực tuyến theo lịch của từng cấp học;

- Ngày 13-18/7/2023: Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1 và lớp 6;

- Ngày 19/7/2023: Báo cáo nhanh công tác tuyển sinh, đề xuất tuyển bổ sung học sinh trái tuyến (*nếu có*);

- Ngày 21-22/7/2023: Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1 và lớp 6 đối với những trường được duyệt tuyển bổ sung;

- Ngày 23/7/2023: Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh trên phần mềm;
- Ngày 25/7/2023: Nộp báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.

2. Từ ngày 01- 31/7/2023: Phòng GDĐT tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh.

UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị phản ánh kịp thời về UBND huyện qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận: *MB*

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Huyện ủy;
- HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Giáo dục và đào tạo;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Công Thản



Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực xã, thị trấn
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	$8=4+5+6+7$	9	10	11	12	$13=9+10+11+12$	14	15	16	17	$18=14+15+16+17$	19
Công lập	1	Chương Dương	170	80	90	80	420	69	71	75	84	299	54	30	16	7	107	Chương Dương
Công lập	2	Dũng Tiến	273	175	161	165	774	114	126	136	141	517	97	13	10	11	131	Dũng Tiến
Công lập	3	Duyên Thái	315	235	231	189	970	117	133	113	121	484	64	40	13	0	117	Duyên Thái
Công lập	4	Hồng Vân	155	106	94	80	435	80	60	76	74	290	66	17	16	10	109	Hồng Vân
Công lập	5	Hà Hồi	262	160	160	148	730	88	83	93	104	368	69	13	7	7	96	Hà Hồi
Công lập	6	Hiền Giang	136	84	74	90	384	100	70	100	85	355	58	17	3	2	80	Hiền Giang
Công lập	7	Hòa Bình	240	123	120	109	592	67	78	83	97	325	60	27	12	2	101	Hòa Bình
Công lập	8	Khánh Hà	376	210	215	190	991	156	192	145	193	686	121	24	14	12	171	Khánh Hà
Công lập	9	Lê Lợi	246	140	160	130	676	86	88	88	113	375	50	40	30	2	122	Lê Lợi
Công lập	10	Liên Phương	225	125	120	133	603	78	95	92	85	350	33	26	14	5	78	Liên Phương
Công lập	11	Minh Cường	237	150	135	135	657	95	90	87	108	380	70	12	4	0	86	Minh Cường
Công lập	12	Nhi Khê	192	103	110	115	520	99	101	103	153	456	82	35	19	10	146	Nhi Khê
Công lập	13	Nghiêm Xuyên	162	92	94	95	443	110	77	92	88	367	44	20	2	0	66	Nghiêm Xuyên
Công lập	14	Nguyễn Trãi	258	115	112	147	632	96	103	146	143	488	95	25	5	0	125	Nguyễn Trãi
Công lập	15	Ninh Sở	298	165	164	154	781	93	105	108	131	437	100	36	22	6	164	Ninh Sở
Công lập	16	Quất Động	230	136	140	144	650	78	90	127	108	403	52	30	10	3	95	Quất Động
Công lập	17	Tân Minh	230	123	141	123	617	88	131	125	143	487	70	50	4	0	124	Tân Minh
Công lập	18	Tô Hiệu	366	195	215	186	962	152	124	157	156	589	129	37	48	6	220	Tô Hiệu
Công lập	19	Thống Nhất	213	115	121	126	575	78	95	101	123	397	70	25	10	5	110	Thống Nhất
Công lập	20	Tiền Phong	253	112	129	142	636	119	130	144	151	544	92	6	8	7	113	Tiền Phong
Công lập	21	Thắng Lợi	350	135	133	148	766	104	143	149	135	531	120	40	0	0	160	Thắng Lợi

Công lập	22	Thư Phú	197	97	123	109	526	42	65	55	83	245	44	14	5	9	72	Thư Phú
Công lập	23	Tự Nhiên	253	132	147	126	658	52	79	86	109	326	52	41	11	24	128	Tự Nhiên
Công lập	24	Vân Bình	239	168	213	193	813	126	163	169	191	649	135	42	20	11	208	Vân Bình
Công lập	25	Vân Tự	275	137	140	138	690	117	141	136	138	532	120	25	10	4	159	Vân Tự
Công lập	26	Vân Phú	246	142	146	144	678	66	105	114	136	421	66	58	30	20	174	Vân Phú
Công lập	27	Vân Tào	364	197	215	181	957	76	97	97	130	400	70	30	25	10	135	Vân Tào
Công lập	28	Vạn Điểm	176	100	98	102	476	87	70	97	86	340	52	21	8	0	81	Vạn Điểm
Công lập	29	Hoa sen thị trấn	92	102	100	105	399	44	47	57	65	213	58	6	13	5	82	Thị trấn
Công lập	30	Sao Khuê thị trấn	0				0	76	110	90	102	378	27	24	10	0	61	Thị trấn
		Tổng Công lập	7029	3954	4101	3927	19011	2753	3062	3241	3576	12632	2220	824	399	178	3621	
Ngoại CL	1	Trường MN Thiên Ân (Hà Hồi)							76	78	128	282	0	75	20		95	Toàn huyện
Ngoại CL	2	Trường MN Sao Mai (Vân Tào)						37	21	21	41	120	22	10	15		47	Toàn huyện
		Tổng Trường ngoại Công lập	0	0	0	0	0	37	97	99	169	402	22	85	35	0	142	
Ngoại CL	1	NL Ban Mai 1 (Duyên Thái)						15	14	10	10	49	10	10			20	Toàn huyện
Ngoại CL	2	NL Nhật Minh (Duyên Thái)						15	15	15	20	65	5	14	10		29	Toàn huyện
Ngoại CL	3	NL Bình Minh (Duyên Thái)						13	0	11	11	35	12				12	Toàn huyện
Ngoại CL	4	NL Mặt trời bé thơ (Duyên Thái)						16	17	13	14	60	8	7	5		20	Toàn huyện
Ngoại CL	5	NL Phương Anh (Duyên Thái)						25	18	26	19	88	10				10	Toàn huyện
Ngoại CL	6	NL Xuân Mai (Dũng Tiến)						30	11	12	7	60	5	7	10		22	Toàn huyện
Ngoại CL	8	NL Hòa Mi 2 (Hà Hồi)							30			30					0	Toàn huyện
Ngoại CL	7	NL Hòa Mi 1 (Hà Hồi)						10		20	45	75	20	10	5		35	Toàn huyện
Ngoại CL	9	NL Hoa Thủy Tiên (Hà Hồi)						30	10			40	10				10	Toàn huyện
Ngoại CL	10	NL Tương Lai (Hà Hồi)						10	15	15	15	55	10				10	Toàn huyện
Ngoại CL	11	NL Bình Minh 2 (Thư Phú)						12	18	20	23	73	15	5			20	Toàn huyện
Ngoại CL	12	NL Tuổi thơ (Thư Phú)						16	21	20	24	81	13	5			18	Toàn huyện
Ngoại CL	13	NL Đồ rê mi (Thư Phú)						10	9	5		24	5	5			10	Toàn huyện
Ngoại CL	14	NL Ngôi nhà tuổi thơ (Tự Nhiên)						33	17	12		62	22	8	9		39	Toàn huyện
Ngoại CL	15	NL Sao Mai (Tự Nhiên)						15	13	10		38	15	5			20	Toàn huyện
Ngoại CL	16	NL Tuổi Thần Tiên (Vân Tào)						9	9	4	5	27	6	6			12	Toàn huyện
Ngoại CL	17	NL Mặt Trời Hồng (Vân Tào)						10	15		10	35					0	Toàn huyện
Ngoại CL	18	NL Sen Vàng (Vân Tào)						21	34	19	51	125					0	Toàn huyện
Ngoại CL	19	NL Ánh Dương (Vân Tào)						16	16	15	18	65	13	6			19	Toàn huyện
Ngoại CL	20	NL Sóc Nâu (Vân Tào)						36	17		13	66	10				10	Toàn huyện
Ngoại CL	21	NL Xuân Mai (Tô Hiệu)						35	30	15	38	118					0	Toàn huyện

Ngoài CL	22	NL Hải Đăng (Tô Hiệu)						33	28	24	9	94							0	Toàn huyện
Ngoài CL	23	NL Hoa Thủy Tiên (Thị trấn)						12	18	16	12	58	10	3	5	0	18		Toàn huyện	
Ngoài CL	24	NL Việt Úc (Thị trấn)						23	10	17	19	69	10	5	5		20		Toàn huyện	
Ngoài CL	25	NL Hòa Mi (Khánh Hà)						20	25	0	0	45	10				10		Toàn huyện	
Ngoài CL	26	NL Việt Anh (Nhị Khê)						14	9	5	7	35	10	5	6		21		Toàn huyện	
Ngoài CL	27	NL Ong Vàng (Lê Lợi)						16	18	19	16	69	17	3	2		22		Toàn huyện	
Ngoài CL	28	NL Baby home (Lê Lợi)						14	17	18	21	70	21	3			24		Toàn huyện	
Ngoài CL	29	NL Nhà Dòng (Minh Cường)						25	32	42	40	139	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	30	NL Tuệ Minh (Minh Cường)						24		16		40	10	10	5		25		Toàn huyện	
Ngoài CL	31	NL Những người bạn nhỏ (Quất Động)						30	9	6		45	10				10		Toàn huyện	
Ngoài CL	32	NL Hoa Ngọc Hà (Hòa Bình)						14	13	7	9	43	20	14	10		44		Toàn huyện	
Ngoài CL	33	NL Thiên thần nhỏ (Hòa Bình)						15	12	0	0	27	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	34	NL Thiên thần nhỏ 1 (Ninh Sở)						17	8	9	9	43	17				17		Toàn huyện	
Ngoài CL	35	NL Thiên thần nhỏ 2 (Ninh Sở)						15	17	10	20	62	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	36	NL Baby (Văn Bình)						23	11	3	13	50	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	37	NL Vườn Tré Thor (Văn Bình)						36	16	16	0	68	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	38	NL Ngôi nhà hạnh phúc (Văn Bình)						12	16	17	18	63	10	10	10		30		Toàn huyện	
Ngoài CL	39	NL Bình An (Văn Bình)						15	5	5		25	15				15		Toàn huyện	
Ngoài CL	40	NL Ánh Mặt Trời (Văn Bình)						20	8	6		34	10	11	9		30		Toàn huyện	
Ngoài CL	41	NL Hoa Mặt Trời (Văn Phú)						15	14	0	0	29	8	5			13		Toàn huyện	
Ngoài CL	42	NL Nắng Mai (Liên Phương)						8	15	6	0	29	7	3	8		18		Toàn huyện	
Ngoài CL	43	NL Mặt Trời Nhỏ (Chương Dương)						22	14			36	10				10		Toàn huyện	
Tổng nhóm lớp ngoài CL			0	0	0	0	0	800	644	484	516	2444	459	160	99	0	718			
Tổng Ngoại CL			0	0	0	0	0	837	741	583	685	2846	481	245	134	0	860			
Tổng toàn Huyện			7029	3954	4101	3927	19011	3590	3803	3824	4261	15478	2701	1069	533	178	4481			

(Mẫu Phụ lục 1b)



Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ...)	Ghi chú	Số HS/Lớp p
				Số lớp	Số HS			
Công lập	1	Chuong	84	3	84			28
Công lập	2	Dũng Tiên	152	4	152			38
Công lập	3	Duyên Thái	175	5	175			35
Công lập	4	Hà Hồi	225	6	225			37,5
Công lập	5	Hiền Giang	86	3	86			28,7
Công lập	6	Hòa Bình	120	4	120			30
Công lập	7	Hồng Vân	87	3	87			29
Công lập	8	Khánh Hà	200	6	200			33,3
Công lập	9	Lê Lợi	162	5	162			32,4
Công lập	10	Liên Phương	106	3	106			35,3
Công lập	11	Minh Cường	128	4	128			32
Công lập	12	Nghiêm	93	3	93			31
Công lập	13	Nguyễn Du	156	5	175			35
Công lập	14	Nguyễn Trãi	143	4	143			35,8
Công lập	15	Nhi Khê	159	5	159			31,8
Công lập	16	Ninh Sở	175	5	175			35
Công lập	17	Quất Động	154	4	135			33,8
Công lập	18	Tân Minh	145	4	145			36,3
Công lập	19	Thắng Lợi	175	5	175			35
Công lập	20	Thống Nhất	148	4	137			34,3
Công lập	21	Thư Phú	132	4	128			32
Công lập	22	Tiền Phong	147	4	147			36,8
Công lập	23	Tò Hiệu	226	6	226			37,7
Công lập	24	Tự Nhiên	126	4	126			31,5
Công lập	25	Văn Bình	234	7	234			33,4
Công lập	26	Vạn Điểm	113	4	113			28,3

Công lập	27	Vân Phú	160	5	160			3
Công lập	28	Vân Tào	241	7	241			34,
Công lập	29	Văn Tự	140	4	140			3
Công lập	30	Thăng Long		3	90		Trên địa bàn huyện Thường Tín và các huyện lân cận	3
		Tổng C.lập	4392	133	4467			33,6
		Tổng Quận, Huyện	4392	133	4467			33,6

(Mẫu Phụ lục 1c)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ...)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
ông lập	1	Chương Dương	129	3	129	Xã Chương Dương		43
ông lập	2	Dũng Tiến	203	5	203	xã Dũng Tiến		40,6
ông lập	3	Duyên Thái	286	6	270	Xã Duyên Thái		45
ông lập	4	Hà Hồi	280	7	280	Xã Hà Hồi		40
ông lập	5	Hiền Giang	98	3	98	xã Hiền Giang		32,7
ông lập	6	Hòa Bình	139	3	139	Xã Hòa Bình		46,3
ông lập	7	Hồng Vân	157	4	157	Xã Hồng Vân		39,3
ông lập	8	Khánh Hà	270	6	270	Xã Khánh Hà		45
ông lập	9	Lê Lợi	186	4	186	Xã Lê Lợi		46,5
ông lập	10	Liên Phường	179	4	179	Xã Liên Phường		44,8
ông lập	11	Minh Cường	225	5	200	Xã Minh Cường		40
ông lập	12	Nghiêm Xuyên	123	3	115	Xã Nghiêm Xuyên		38,3
ông lập	13	Nguyễn Trãi	225	5	225	Xã Nguyễn Trãi		45
ông lập	14	Nhi Khê	167	4	167	Xã Nhi Khê		41,8
ông lập	15	Ninh Sở	230	5	225	Xã Ninh Sở		45
ông lập	16	Quất Động	192	4	180	Xã Quất Động		45
ông lập	17	Tân Minh	199	5	195	Xã Tân Minh		39
ông lập	18	Tô Hiệu	246	6	237	Xã Tô Hiệu		39,5
ông lập	19	Thắng Lợi	233	6	233	Xã Thắng Lợi		38,8
ông lập	20	Thị Trấn	191	3	120	Trên địa bàn huyện		40
ông lập	21	Thống Nhất	154	4	154	Xã Thống Nhất		38,5
ông lập	22	Thư Phú	140	3	140	Xã Thư Phú		46,7
ông lập	23	Tiền Phong	238	6	235	Xã Tiền Phong		39,2
ông lập	24	Tự Nhiên	200	5	200	Xã Tự Nhiên		40
ông lập	25	Vạn Diêm	192	4	192	Xã Vạn Diêm		48
ông lập	26	Văn Bình	315	7	315	Xã Văn Bình		45
ông lập	27	Văn Phú	216	5	200	xã Văn Phú		40
ông lập	28	Vân Tào	346	8	346	Xã Vân Tào		43,3

Công lập	29	Văn Tự	246	6	246	xã Văn Tự		41
Công lập	30	Nguyễn Trãi A		4	170	Toàn huyện		42,5
Công lập	31	Thăng Long		3	90	Trên địa bàn huyện Thường Tín và các huyện lân cận		30
		Tổng C.lập	6005	146	6096			41,8
		Tổng Quận, Huyện	6005	146	6096			41,8